

Đại từ

I. Kiến thức cơ bản

- Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng từ để hỏi.
- Đại từ có thể giữ các vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay phụ ngữ của danh từ, của động từ, của tính từ..

II. Hướng dẫn tìm hiểu câu hỏi phần bài học

Câu 1.

- Từ nó ở đoạn văn đầu trỏ em tôi.
- Từ nó ở đoạn văn thứ hai trỏ con gà trống.
- Chúng ta biết được nghĩa của hai từ nó này nhờ những đoạn văn trước đó.

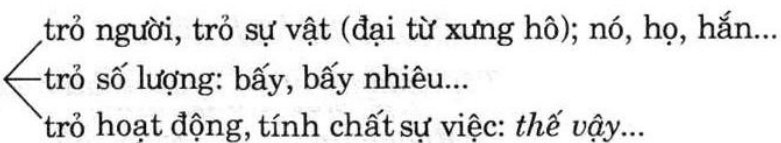
Câu 2. Từ “thế” ở đoạn văn thứ ba trỏ việc “đem chia đồ chơi ra đi”, chúng ta biết được nhờ vào đoạn văn đứng trước đó.

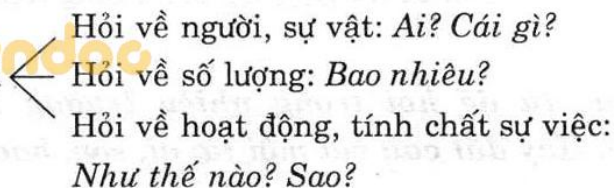
Câu 3. Từ “ai” trong bài ca dao dùng để hỏi (đoạn từ phiếm chỉ).

Câu 4. Các từ nó, thế, ai trong các đoạn văn trên giữ vai trò là chủ ngữ (nó ở đoạn văn thứ nhất – ai ở bài ca dao), là định ngữ (nó ở đoạn văn thứ hai), là phụ ngữ động từ (thế ở đoạn văn thứ ba).

Câu 5. Các loại đại từ.

Có hai loại:

a) Đại từ để trỏ 

b) Đại từ để hỏi 

III. Hướng dẫn luyện tập.

Câu 1

a) Hãy sắp xếp các đại từ trỏ người, sự vật theo bảng dưới đây:

<i>Số</i> <i>Ngôi</i>	<i>Số ít</i>	<i>Số nhiều</i>
1	tôi	chúng tôi
2	mày	chúng mày
3	nó, hắn	chúng nó, họ

b) Nghĩa của đại từ mình trong câu “Cậu giúp đỡ mình với nhé!” có gì khác nghĩa của đại từ mình trong câu ca dao sau đây?

Mình về mình có nhớ chăng

- Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
- Mình ở câu đầu là ngôi thứ nhất (tương tự: tôi, tớ).
- Mình ở câu sau là ngôi thứ hai (tương tự như: bạn, em).

Câu 2. Khi xưng hô, một số danh từ chỉ người như ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, dì, con, cháu... cũng được sử dụng như đại từ xưng hô.

Tìm ví dụ.

*Cái bóng đi chợ cầu Càn
Thấy ba ông Bụt đang cầm nồi com.
Ông thì xới xới, đơm đơm
Ông thì ngồi đổ nồi com chẳng cần.*

(Ca dao)

*Từ nay tôi kệch đến già
Tôi chẳng dám cấy ruộng bà nữa đâu.
Ruộng bà vừa xấu vừa sâu
Vừa bé hạt thóc vừa lâu đồng tiền.*

(Ca dao)

Câu 3. Các từ để hỏi trong nhiều trường hợp dùng để trở chung. Hãy đặt câu với mỗi từ: ai, sao, bao nhiêu.

- Gia đình em ai cũng thích ăn món khoai tây chiên.
- Nước dâng lên cao bao nhiêu, núi càng lên cao bấy nhiêu.

- Học sao điem vậy.

Câu 4. Đối với các bạn cùng lớp, cùng lứa tuổi, em nên xưng hô như thế nào? Nên ứng xử như thế nào với hiện tượng thiếu lịch sự?

- Bạn cùng lớp, bạn cùng lứa nên xưng tên: Lan ơi, cho Hoa mượn quyển tập với; hoặc: cậu – tớ, cậu mình, bạn – mình...

- Đối với những hiện tượng thiếu lịch sự thì em nên góp ý nhẹ nhàng, và khi chỉ có một mình bạn ấy thôi nhé. Vì nếu nặng lời và trước đám đông hiệu quả sẽ không tốt đâu.

Câu 5. So sánh sự khác nhau về số lượng và ý nghĩa biểu cảm giữa từ xưng hô tiếng Việt với đại từ xưng hô tiếng Anh.

Sự khác nhau về số lượng và ý nghĩa biểu cảm giữa từ xưng hô trong tiếng Việt với đại từ xưng hô trong tiếng Anh.

- Về số lượng

- Từ xưng hô trong tiếng Việt nhiều và phong phú hơn từ xưng hô trong tiếng Anh.

+ Ví dụ: Ngôi thứ hai trong tiếng Anh chỉ có hai từ; số ít you và số nhiều cũng you - Tiếng Việt ngôi thứ hai có rất nhiều từ để xưng hô: anh, em, cậu, bác, chú, dì, mình, chàng, thiếp... tùy vào từng trường hợp hoàn cảnh cụ thể.

- Ý nghĩa biểu cảm:

+ Tiếng Việt ý nghĩa biểu cảm đa dạng hơn, tinh tế hơn.

+ Ví dụ:

Ngôi thứ nhất - thứ hai trạng thái, hoàn cảnh	Tiếng Việt	Tiếng Anh
chị, em lúc bình thường	chị – em	I – you
chị, em lúc giận dữ	tao – mày	I – you
con trai lớn tuổi hơn	anh	you
con trai nhỏ tuổi hơn	em	you